

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NGHIÊN CỨU SO SÁNH VỀ YẾU TỐ VĂN HÓA TRONG THÁN TỪ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

A COMPARATIVE STUDY ON CULTURAL FEATURES OF ENGLISH AND VIETNAMESE INTERJECTIONS

HỒ NGỌC TRUNG

(TS; Viện Đại học Mở Hà Nội)

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

(ThS; Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội)

Abstract: As a closed-system part of speech, English and Vietnamese interjections focus more on their functions than on their lexical meanings. However, unlike the other closed-system parts of speech, English and Vietnamese interjections have a much wider range of realizations, and often serve as a means of expressing interpersonal relationships. For this reason, interjections have been well researched, especially from the morphological, semantic and pragmatic perspectives. In order to shed more light on the characteristic features of interjection in general and those of English and Vietnamese interjections in particular, the paper is aimed at investigating the cultural features of the interjections of a language on the basis of English and Vietnamese common interjections.

Key words: part of speech; closed-system; morphological; semantic; pragmatic; interpersonal; culture.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống từ loại tiếng Anh và tiếng Việt, thán từ (interjection) thuộc hệ thống đóng - closed system (Quirk R. *et al*, 1972: 44), hay thuộc nhóm tình thái từ (Đình Văn Đức, 2001: 217; Lê Biên, 1996: 173), hư từ (Diệp Quang Ban, 2009: 315). Nhóm từ loại này có số lượng hữu hạn giống như các từ loại thuộc hệ thống đóng khác (ví dụ như giới từ, đại từ, mạo từ,...), chú trọng đến vai trò hành chức của từ loại hơn là đến vai trò biểu đạt ý nghĩa từ vựng. Tuy nhiên, một trong những điểm khác biệt đáng kể giữa thán từ so với các từ loại khác thuộc hệ thống đóng đó là lớp từ này có hình thức thể hiện khá đa dạng, không bó hẹp trong phạm vi giới hạn đơn vị từ, và đặc biệt hơn nữa được sử dụng như một công cụ diễn đạt quan hệ liên nhân (interpersonal) với tình ngữ dụng khá cao. Với những đặc trưng như vậy, lớp từ này lâu nay đã được nghiên cứu khá nhiều, đặc biệt ở phương diện hình thái học (morphology), ngữ nghĩa học (semantics) và ngữ dụng học

(pragmatics). Nhằm góp phần làm rõ thêm đặc trưng của thán từ, xuất phát từ vai trò biểu đạt ý nghĩa liên nhân của lớp từ loại này, trong phạm vi của bài viết chúng tôi bước đầu tìm hiểu ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến thán từ của một ngôn ngữ dựa trên khối ngữ liệu là các thán từ Anh - Việt phổ biến.

2. Khảo sát yếu tố văn hóa trong thán từ Anh - Việt

2.1. Cách khảo sát

Trước tiên, chúng tôi tiến hành khảo sát nhằm xác lập danh mục các thán từ Anh - Việt thường gặp. Việc lấy dẫn chứng ví dụ về các thán từ có trong ngữ cảnh văn nói là rất phức tạp, công phu, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức nên bước đầu chúng tôi thu thập những thán từ cùng với tình huống sử dụng trong các tài liệu nghiên cứu, trong một số tác phẩm văn học, giáo trình bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Dựa trên danh mục thán từ Anh - Việt thu thập được, chúng tôi tiến hành phân tích, tìm hiểu những ảnh hưởng có thể có của văn hóa

dân tộc đến thần từ của mỗi ngôn ngữ, từ đó thực hiện so sánh đối chiếu nhằm phát hiện những điểm tương đồng và khác biệt về phương diện văn hóa giữa thần từ tiếng Anh và tiếng Việt qua đó làm rõ hơn vai trò của yếu tố văn hóa đối với thần từ nói chung và thần từ của một cộng đồng ngôn ngữ nói riêng.

2.2. Kết quả

2.2.1. Trong tiếng Anh: Văn hóa nước Anh thuộc nền văn hóa phương Tây, chịu ảnh hưởng lớn của Thiên chúa giáo. Đối với đa số người Anh (có khoảng 33 triệu người Anh theo đạo Thiên Chúa, dẫn theo số liệu của Hội đồng Anh <http://www.educationuk.org/>), Chúa là một Đấng tối cao, luôn tồn tại trong đời sống tâm linh của họ. Có lẽ do đặc điểm về văn hóa này mà hình ảnh Chúa xuất hiện nhiều trong thần từ tiếng Anh. Kết quả khảo sát cho thấy những thần từ chứa từ *God* (hay các biến thể *Goddess*, *Gosh*) phổ biến trong tiếng Anh như là: *God Almighty*, *God be with the days*, *God bless*, *God bless you*, *god dammit*, *God damn*, *god damn*, *god forbid*, *God forbid*, *god forfend*, *God forfend*, *God in heaven*, *God preserve us*, *God Save the King*, *God Save the Queen*, *God speed*, *God willing*, *god willing*, *God-speed*, *godamm*, *godammit*, *goddam*, *goddamit*, *goddammit*, *goddamn*, *goddamn*, *goddamn*, *goddamn*, *Goddess bless*, *Goddess bless you*, *Goddess forbid*, *goddessdammit*, *goddessdamn*, *goddidit*, *Goddidit*, *Godly*, *God's bones*, *gods damn*, *gods willing*, *godsdamn*, *Godspeed*, *oh my god* (hay *God*), *oh my Goddess*, *oh my gods*, *oh my gosh*. (<https://en.wiktionary.org/>).

Trong đó có những thần từ người Anh sử dụng để cầu xin Chúa che chở, phù hộ cho họ hoặc cho một ai đó khác như: *God bless*, *God bless you* (hay *May God bless you*), *Goddess bless*, *Goddess bless you*, ví dụ:

Good night everyone, and God bless. [1]

Tuy nhiên từ *God* và các biến thể cũng được sử dụng trong những thần từ, câu cảm thán nhằm để thể hiện sự phấn khích, sự kinh

ngạc, ví dụ như: *Oh my God*, *Oh my Goddess*, *Oh my gosh*, *by God!*...

Oh my God John, your hair is so beautiful that I want to make my home. [2]

Oh my Goddess, I cannot believe that just crawled out of the sink! [3]

By God! That chicken has no head! [4]

Kết quả khảo sát còn cho thấy, từ "*God*" và các biến thể xuất hiện trong cả những thần từ mang tính cấm kỵ (taboo), mang nghĩa tiêu cực, thậm chí có tính chất báng bổ trong tiếng Anh. Người nói sử dụng các thần từ này nhằm biểu đạt thái độ tức giận, ví dụ như: *godamm*, *godammit*, *goddam*, *goddamit*, *goddammit*, *goddamn*, *goddamn*, *goddamn*, *goddamn*, *God in heaven*,...

Ngoài những thần từ trên, chúng tôi còn ghi nhận một số thần từ khác cũng có tính cấm kỵ (có hoặc không có liên quan đến Chúa) như: "*Oh, hell!*", "*Damn it!*", "*Jesus*", "*Jesus Christ*".

Nhìn chung, do nền văn hóa nước Anh gắn liền với Thiên chúa giáo nên đặc điểm về văn hóa của thần từ trong tiếng Anh có yếu tố Chúa trời. Thần từ có chứa các từ về Chúa cũng là thần từ được sử dụng phổ biến bởi người Anh.

2.2.2. Trong tiếng Việt: Việt Nam là một quốc gia có 54 dân tộc, theo đó, mỗi dân tộc lại đem đến một bản sắc văn hóa riêng. Mặc dù vậy, không ai phủ nhận rằng nền văn hóa Việt là nền văn hóa lúa nước, được đặc trưng bởi sự hài hòa của các yếu tố Âm và Dương, Trời (giời) đại diện cho Dương và Đất đại diện cho Âm. Theo người Việt, sự kết hợp của Âm và Dương mang lại đời sống hạnh phúc và thịnh vượng cho người dân. Cũng chính vì lẽ đó, những thần từ được sử dụng phổ biến trong tiếng Việt thường có sự xuất hiện của yếu tố Âm, Dương: *lạy trời lạy đất*, *trời đất ơi*, *trời cao đất dày ơi*. Cũng có trường hợp "trời", "giời" được sử dụng riêng rẽ như: *trời ơi là trời*, *trời ơi*, *giời ôi*, *giời ơi là ơi*, *trời*,...

Trời ơi là trời! ...Mày phá tao thế à? [5, tr. 3]

*...Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại:
- Con đau bụng.*

Giời ơi là giời! [5, 2011]

(Nam Cao; 2005: 111)

Đôi khi, “trời” còn được kết hợp với từ xưng hô “ông” để thêm phần long trọng: “ông trời ơi”, “ông trời có mắt”. Người Việt thường nói: có “ông trời” thì hẳn sẽ có “bà đất”. Tuy nhiên, qua khảo sát, chúng tôi chưa ghi nhận có trường hợp nào trong thần từ tiếng Việt có sự xuất hiện riêng lẻ của yếu tố “Âm” - hay “Đất” giống như trường hợp của yếu tố “Đương” vừa đề cập ở trên. Người Việt không nói “đất ơi” hay “đất ơi là đất”. Xét về mặt ngôn ngữ, chúng ta cũng không thể giải thích được tại sao người Việt lại không than vãn “đất ơi”. Mà đây có lẽ là theo tập tục dân gian, hay người Việt thường nói là “theo các cụ ngày xưa”.

Trong tín ngưỡng và văn hóa Việt, khi kết hợp với nhau, Trời Đất là yếu tố linh thiêng và có sức mạnh to lớn. Bởi vậy, mỗi chi cầu nguyện, người Việt thường hay nói: “*Lạy trời lạy đất!*” như trong ví dụ: ...*Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khờ, nó thấy bố nó nói thế thì nó thôi ngay, nó không đá động đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi...* [6, tr. 86]

Ngoài ra, trong tiếng Việt, chúng tôi còn thấy sự kết hợp của các thần từ “bẩm, lạy, thưa, xin” với các từ xưng hô chỉ vai trên: “ông, bà, cụ” nhằm bày tỏ thái độ lễ phép: *lạy cụ, bẩm cụ, bẩm bà, bẩm quan lớn, thưa bà, thưa ông,...* Sự kết hợp này đặc biệt phổ biến vào thời phong kiến ngày xưa, ví dụ: ...*Lạy cụ ạ. Bẩm cụ... Con đến của cụ để kêu cụ nội việc ạ.* [5, tr. 24].

Thêm nữa, tính độc đáo của tiếng Việt còn thể hiện ở đặc trưng hàm ngôn (implicature) và khả năng mang nghĩa hàm ẩn (implicit meaning) - tức tính năng nén nghĩa của ngôn ngữ này. Người Việt hay nói với nhau rằng:

nói ít, hiểu nhiều. Thần từ tiếng Việt cũng vậy. Qua khảo sát, chúng tôi thấy rằng việc xác định nghĩa cụ thể của một số thần từ kiểu như “phải gió”, “nỡm lảm”,... là không dễ một chút nào. Chính vì vậy, việc tìm một thần từ tương đương trong tiếng Anh lại càng khó khăn hơn. Với những thần từ này, có lẽ chỉ có người Việt mới hiểu và mới biết nên dùng chúng trong những trường hợp nào. Ví dụ:

...Chị ngọc đầu nhìn lại vống. Viên ôm con chị, mồm hầy còn há hốc, xem chừng ngủ mê. Chị lay đầu chồng, khẽ gọi:

Phải gió! Dậy đi!...sáng rồi. [5, tr. 3]

...Chị hơi bẽn lẽn vừa phất vào lưng anh, vừa bảo:

- Nỡm lảm! Có ra chồng mà nằm không? Cái Viên nó biết nó lại cười cho là trò trẻ con. [5, tr. 84]

Sẽ thật thiếu sót nếu chỉ đề cập tới những thần từ mang nghĩa tích cực trong tiếng Việt, bởi những lúc tức giận hoặc bức xúc về một vấn đề nào đó, dùng thần từ là một trong những cách hiệu quả giúp người Việt bày tỏ cảm xúc, tâm trạng của mình. Chúng tôi có thể kể đến một số thần từ thuộc loại này, như: *khốn nạn, mẹ kiếp, mẹ, tiên sư nhà nó, tiên nhân nhà nó, kệ bố nó, kệ mẹ mày,...* Xin đưa ra đây một vài ví dụ minh họa:

... Khốn nạn! Khốn nạn cho thị lảm! Cái số thị chẳng ra gì nên vợ phải một thằng chồng không biết lo, biết nghĩ. [5, tr. 127]

...Mẹ kiếp! Dọa! Dọa thì ông cũng không sợ. [5, tr. 153]

Tuy nhiên, những thần từ dạng này vốn mang nghĩa tiêu cực, không có sắc thái trang trọng nên chỉ được sử dụng trong một số tình huống nhất định,...

Như vậy, đi cùng với đặc trưng văn hóa của nước Việt, một quốc gia đa văn hóa với nền nông nghiệp lúa nước, thần từ tiếng Việt cũng có những nét đặc trưng riêng, mang đậm dấu ấn của nền văn hóa Phật giáo và thể hiện bản sắc dân tộc của người Việt.

3.3. Từ các kết quả nghiên cứu đề cập ở trên có thể nhận thấy mặc dầu nước Anh và

Việt có hai nền văn hóa khác nhau, thần từ của hai ngôn ngữ này cũng có những điểm tương đồng với nhau. Trước hết, cả thần từ trong tiếng Anh lẫn tiếng Việt đều có yếu tố thần thánh. Đối với người Anh, đó là Chúa - qua từ *God* và các biến thể, được sử dụng phổ biến trong rất nhiều thần từ. Còn đối với người Việt, đó là Trời (giời). Khi vui, khi buồn, hay khi than thở về điều gì, người Việt hay thốt lên "*Trời ơi!*", "*Giời ơi!*", hay "*Trời!*".

Ngoài ra, tiếng Anh cũng như tiếng Việt đều có sự xuất hiện của những thần từ mang nghĩa cảm lị. Nếu như trong tiếng Anh có *Oh hell, Damn it, damn, Jesus,...* thì trong tiếng Việt cũng có *khốn nạn, mẹ, mẹ kiếp, tiên nhân, cha bố mày,...* Đây đều là những thần từ nhạy cảm và thường không được cả người Anh và người Việt sử dụng trong những tình huống giao tiếp trang trọng, lịch sự.

2.2.3. Bên cạnh những nét tương đồng, thần từ Anh - Việt cũng có những điểm khác nhau cơ bản. Trước hết, văn hóa Việt là văn hóa phương Đông nên yếu tố Âm Dương đóng vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng người Việt. Theo đó, thần từ tiếng Việt cũng phản ánh rõ nét yếu tố âm dương. Như đã đề cập ở 3.2, người Việt không chỉ than "*trời ơi*", mà họ còn sử dụng những thần từ chỉ sự hài hòa giữa Âm và Dương, chẳng hạn: *trời đất, trời đất ơi, trời cao đất dày ơi, trời ơi đất hỡi*. Kết quả khảo sát cho thấy sự kết hợp này (Âm Dương) không tồn tại trong thần từ tiếng Anh.

Một điểm khác biệt đáng kể khác giữa thần từ Anh - Việt là yếu tố tôn ti, lịch sự, lễ phép dường như chỉ có ở thần từ tiếng Việt. Sự kết hợp giữa những thần từ "*ạ, bẩm, lay, thưa, xin*" với một số từ xưng hô "*ông, bà, quan lớn, quan trên, cụ*" mà người Việt thường sử dụng khi nói với người lớn tuổi, hoặc người có địa vị cao hơn là không có ở thần từ tiếng Anh. Sự kết hợp này đã thể hiện được hân sắc văn hóa, nét đẹp trong văn hóa

giao tiếp của người Việt: đó là văn hóa kính trên nhường dưới.

3. Kết luận

Từ kết quả khảo sát có thể kết luận rằng mặc dầu thần từ Anh - Việt cũng có những nét tương đồng về phương diện văn hóa, nhưng trên hết chúng đã thể hiện một cách rõ nét đặc trưng văn hóa của mỗi quốc gia. Chính điều đó đã làm nên nét riêng trong thần từ của mỗi ngôn ngữ. Do thần từ chịu những ảnh hưởng nhất định từ yếu tố văn hóa, nên đối với người Việt Nam học tiếng Anh, để có thể dùng được thần từ tiếng Anh trong những hoàn cảnh thích hợp, chúng ta không chỉ cần hiểu rõ về đặc điểm ngôn ngữ của thần từ tiếng Anh, mà còn cần phải nắm rõ được đặc điểm về văn hóa của lớp từ loại này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thuang (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
3. Đinh Văn Đức (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Khắc Phi, Nguyễn Hoàng Khung, Nguyễn Minh Thuyết, Trần Đình Sử (2004), *Ngữ văn 8*, Nxb Giáo dục.
6. Quirk, R. et.al. (1972), *A grammar of contemporary English*. Essex: Longman Group Limited.
7. Wierzbicka, A. (1992), *The semantics of interjection*. Journal of Pragmatics, 18, 159-192.

DẪN LIỆU

- [1] <http://dictionary.cambridge.org/>
- [2] <http://forum.wordreference.com/>
- [3] <https://en.wiktionary.org/>
- [4] <https://en.wiktionary.org/>
- [5] *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, 2005.
- [6] *Nam Cao Truyện ngắn tuyển chọn*, Nxb Văn học, 1998.